

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/DS - PT
Ngày 12 – 10 – 2018
V/v tranh chấp đòi lại di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp đòi lại di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp XM, xã TT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp KL, xã TT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C: Ông Thái Huyền T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 3A, đường QT, Khóm B, Phường C, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1A, xã TP, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1979 (vắng mặt)
2. NLQ2, sinh năm 1985 (vắng mặt)
3. NLQ3, sinh năm 1989 (vắng mặt)
4. NLQ4, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp KL, xã TT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

5. NLQ5, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Ấp 1A, xã TP, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 2A, xã TV, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1968 (có mặt)
2. NLC2, sinh năm 1957 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp KL, xã TT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

-*Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C thống nhất trình bày:

Cha mẹ các ông là ông Huỳnh Văn D (chết năm 2016) và bà Trần Thị C (chết năm 1994). Ông D và bà C có 03 người con chung gồm: Ông Huỳnh Phi H (chết năm 2009), ông Huỳnh Văn C và ông Huỳnh Văn H. Ông Huỳnh Phi H có 04 người con gồm: NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4.

Sau khi bà C chết thì năm 1997 ông D sống chung như vợ chồng với NLQ5, ông D và NLQ5 không có con chung. Vào ngày 16 tháng 10 năm 2008 (âm lịch) ông D có cho ông Huỳnh Văn N mượn 04 lượng vàng 24k, khi cho mượn có viết giấy tay và không có thỏa thuận tính lãi suất nhưng ông N có trả tiền hoa hồng cho ông D mỗi năm là 6.000.000 đồng, tiền hoa hồng này không phải là lãi suất. Ngày 19 tháng 9 năm 2016 ông D chết không để lại di chúc. Tuy số vàng ông D cho ông N mượn trong thời gian sống chung với NLQ5 nhưng đây là vàng riêng của ông D, không phải là vàng chung của ông D và NLQ5. Do ông D ở địa phương có nhiều điều kiện kinh tế nên NLQ5 về sống chung với ông D chỉ là dựa vào ông D để sinh sống. Trong giấy mượn vàng chỉ thể hiện ông N mượn vàng của ông D, không nói là mượn vàng của ông D và NLQ5. Nay ông D chết, các ông là người thừa kế của ông D yêu cầu ông N trả 04 lượng vàng 24k mà ông D cho ông N mượn. Ông N xác định đã trả cho ông D và NLQ5 03 lượng 05 chỉ vàng 24k thì các ông không đồng ý, đối với 05 chỉ vàng 24k sau này ông N xác định trả cho NLQ5 thì các ông không biết vì đây là giao dịch giữa ông N và NLQ5.

Bị đơn ông Huỳnh Văn N trình bày:

Ông thừa nhận vào năm 2008 ông có mượn của ông D 04 lượng vàng 24k, khi mượn ông có viết biên nhận và giao cho ông D và NLQ5 giữ. Lúc viết biên

nhận chỉ đề tên ông D, nhưng thực tế ông mượn vàng của ông D và NLQ5 không phải mượn vàng riêng của ông D. NLQ5 là người trực tiếp giao vàng cho ông tại nhà vợ chồng ông D, NLQ5, lúc đó có mặt ông và vợ chồng ông D, NLQ5. Khi mượn vàng không có thỏa thuận tính lãi suất nhưng ông có trả tiền hoa hồng cho ông D mỗi năm là 6.000.000 đồng, ông trả được 03 năm số tiền 18.000.000 đồng.

Đến khoảng giữa năm 2011 ông có trả cho ông D 03 lượng 05 chỉ vàng 24k tại nhà ông D, NLQ5, người trực tiếp nhận vàng là NLQ5. Lúc đó có mặt ông, ông D và NLQ5. Khi giao vàng ông không yêu cầu ông D viết biên nhận và cũng không nhận lại biên nhận mượn vàng trước đây. Đến ngày 19 tháng 4 năm 2017 ông tiếp tục trả cho ông D 05 chỉ vàng 24k, nhưng do lúc này ông D đã chết nên ông giao vàng cho NLQ5, giao tại nhà mẹ NLQ5 ở ấp 2A, xã TV, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. Khi giao 05 chỉ vàng 24k này thì ông N có viết biên nhận và cho NLQ5 ký tên, sau đó ông mang đến cho trưởng ấp xác nhận. Ông xác định 04 lượng vàng 24k mà ông mượn của ông D vào năm 2008 thì ông đã trả xong cho ông D và NLQ5 nên ông không đồng ý trả 04 lượng vàng 24k cho ông H và ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5 trình bày:

Bà và ông D sống chung với nhau cách đây khoảng 20 năm, bà và ông D có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện GR (nay là thị xã GR), tỉnh Bạc Liêu nhưng giấy kết hôn hiện nay mất. Trong thời gian sống chung vợ chồng bà không có con chung. Ngày 19 tháng 9 năm 2016 ông D chết có để lại di chúc là đất, còn tài sản khác thì không thể hiện trong di chúc.

Đối với số vàng cho ông N mượn là tài sản chung của vợ chồng bà, cụ thể trong ngày cưới ông D có cho bà 01 lượng vàng 24k, mẹ ruột bà cho bà 02 lượng vàng 24k, trong thời gian sống chung với ông D thì giữa bà và ông D có dành dụm mua được 01 lượng vàng 24k. Đến năm 2008 thì vợ chồng bà cho ông N mượn 04 lượng vàng 24k, khi cho mượn ông N viết biên nhận, bà là người trực tiếp giao vàng và ông N là người trực tiếp nhận vàng. Năm 2011 ông N trả cho vợ chồng bà 03 lượng 05 chỉ vàng 24k nhưng không viết biên nhận, lúc trả vàng tại nhà vợ chồng bà, ông N giao trực tiếp cho bà, khi trả vàng có vợ chồng bà và ông N. Ngày 19 tháng 9 năm 2016 ông D chết, đến ngày 19 tháng 4 năm 2017 ông N trả tiếp 05 chỉ vàng 24k còn lại cho bà, khi trả số vàng này có viết biên nhận và bà có ký vào biên nhận. Bà xác định ông N đã trả đủ 04 lượng vàng 24k mà ông N đã mượn của vợ chồng bà vào năm 2008. Đối với biên nhận mượn vàng mà ông N viết trước đây do bà giữ, khi ông D chết thì các con của ông D vào lấy tất cả giấy tờ trong đó có luôn biên nhận này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 thống nhất trình bày:

Các anh chị là con của ông Huỳnh Phi H, các anh chị từ chối liên quan đến vụ kiện giữa ông H, ông C với ông N để đòi 04 lượng vàng 24k mà ông D cho ông N mượn. Đồng thời, các anh chị cũng từ chối nhận di sản trong vụ kiện nêu trên và để lại ông H, ông C tự định đoạt và từ chối tham gia phiên tòa.

Người làm chứng NLC1 và NLC2 thống nhất trình bày:

Ngày 22 tháng 8 năm 2016 khi đưa ông D lên Bệnh viện 121 Cần Thơ điều trị, mấy ngày sau ông D có kêu các bà và ông H nói là ông D có gửi tiết kiệm 300.000.000 đồng ở Ngân hàng Nông nghiệp HP và cho ông N mượn 04 lượng vàng 24k, khi mượn ông N có làm biên nhận, ông D giao toàn bộ giấy tờ nhà cửa đất đai lại cho ông H nếu sau này cụ có bề gì thì về lấy vàng ông N mượn lo cho ông D. Ông D khẳng định đây là tài sản riêng không liên quan gì đến NLQ5.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, 174, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468; 609, 612, 613, 614, 617, của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn N trả 04 lượng vàng 24k mà ông Huỳnh Văn D cho ông Huỳnh Văn N mượn vào ngày 16 tháng 10 năm 2008.

2. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ chịu tiền án phí là 7.240.000 đồng. ông H và ông C đã dự nộp số tiền án phí là 3.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010666 ngày 15 tháng 11 năm 2017 (do ông Nguyễn Hoàng M nộp) được chuyển thu án phí 3.500.000 đồng. Ông H và ông C còn phải nộp thêm tiền án phí là 3.740.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xử xong, ngày 28 tháng 5 năm 2018 nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc ông Huỳnh Văn N trả cho ông H và ông C là người được hưởng thừa kế của ông Huỳnh Văn D 04 lượng vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H và ông C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa toàn bộ án sơ thẩm, buộc ông N trả 04 lượng vàng 24k cho ông H và ông C. Ngoài ra, yêu cầu ông N trả thêm tiền lãi 2.000.000 đồng/tháng cho ông H và ông C tính từ khi ông D chết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân

theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, ông C, áp dụng khoản 1 điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Cha mẹ ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C là ông Huỳnh Văn D (chết năm 2016) và bà Trần Thị C (chết năm 1994). Ông D và bà C có 03 người con chung là ông Huỳnh Phi H (chết năm 2009), ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C. Ông Huỳnh Phi H có 04 người con là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4. Sau khi bà C chết thì vào năm 1997 ông D chung sống với NLQ5. Giữa ông D và NLQ5 không có con chung.

[3] Ông H và ông C xác định: Ngày 16 tháng 10 năm 2008 (âm lịch) ông D có cho ông Huỳnh Văn N mượn 04 lượng vàng 24k, khi cho mượn có viết giấy tay và không có thỏa thuận tính lãi suất nhưng thể hiện ông N có trả tiền hoa hồng cho ông D mỗi năm là 6.000.000 đồng, tiền hoa hồng này không phải là lãi suất. Ngày 19 tháng 9 năm 2016 ông D chết không để lại di chúc, tuy số vàng ông D cho ông N mượn trong thời gian sống chung với NLQ5 nhưng đây là vàng riêng của ông D, không phải là vàng chung của ông D và NLQ5. Trong giấy mượn vàng chỉ thể hiện ông N mượn vàng của ông D, không nói là mượn vàng của ông D và NLQ5. Nay ông D chết, các ông là người thừa kế của ông D nên yêu cầu ông N trả 04 lượng vàng 24k cho các ông.

[4] Phía ông N xác định: Ông N thừa nhận ngày 16 tháng 10 năm 2008 (âm lịch) ông có mượn 04 lượng vàng 24k của ông D và NLQ5, khi mượn có viết giấy tay. Vào năm 2011 ông đã trả trực tiếp cho ông D và NLQ5 03 lượng 05 chỉ vàng 24k, lúc này không làm biên nhận do tin tưởng. Sau đó đến ngày 19 tháng 4 năm 2017 (âm lịch) ông trả cho NLQ5 05 chỉ vàng 24k còn lại, lúc này ông D đã chết và ông có viết “*Giấy nhận vàng*” (bút lục 62) cho NLQ5 ký. Ông không lấy lại biên nhận mượn vàng trước đây là do sau khi ông D chết thì ông H vào ở nhà của ông D và ông nghĩ NLQ5 là vợ ông D, số vàng này ông đã trả xong nên ông không đồng ý với yêu cầu của ông H và ông C.

[5] NLQ5 xác định: Trong thời gian bà chung sống với ông D thì vào vào ngày 16 tháng 10 năm 2008 (âm lịch) ông D và bà có cho ông N mượn 04 lượng vàng 24k (loại vàng 9999), khi mượn có viết giấy tay, không thỏa thuận tính lãi

suất nhưng có thể hiện ông N trả tiền hoa hồng cho ông D mỗi năm là 6.000.000 đồng, giấy này ông D giữ.

[6] Xét thấy, các bên đương sự thống nhất xác định vào ngày 16 tháng 10 năm 2008 (âm lịch) ông D có cho ông N mượn 04 lượng vàng 24k, khi cho mượn có viết giấy tay (bút lục 57) nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] NLQ5 xác định bà và ông D có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1997 và có những người làm chứng việc tổ chức lễ cưới giữa bà và ông D (bút lục 88, 89), ông H và ông C đều xác định NLQ5 có sống chung với ông D. Năm 2008 khi ông N mượn 04 lượng vàng 24k của ông D thì thời điểm này ông D và NLQ5 chung sống với nhau nên tài sản tạo lập trong thời gian chung sống vẫn là tài sản chung của ông D bà NLQ5. Ông H và ông C không có chứng cứ chứng minh 04 lượng vàng 24k là tài sản riêng của ông D nên không có căn cứ chấp nhận đây là tài sản riêng của ông D theo lời trình bày của ông H, ông C.

[8] Đối với những người làm chứng do ông H, ông C cung cấp NLC1 và NLC2. Tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 106) NLC1 và NLC2 xác định lúc ông D nằm viện thì ông D có nói ông N còn thiếu nợ ông 04 lượng vàng 24k, lúc đó có mặt hai bà và ông H (bút lục 106). Xét thấy, lời khai của NLC1 và NLC2 mâu thuẫn với lời khai ông H, bởi lẽ ông H khai khi ông D nói ông N thiếu số vàng chỉ có ông và ông D ngoài ra không có ai khác nghe (bút lục 70), còn NLC1, NLC2 khai có họ và ông H, ông D. Bên cạnh đó, NLC1 là vợ ông C, NLC2 là vợ ông Huỳnh Phi H và là con dâu của ông D nên lời khai của những người này thiếu khách quan, không có cơ sở chấp nhận.

[9] Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 11 năm 2017 (bút lục 35a) NLQ5 xác định: *“Trước đây vào năm 2008 vợ chồng tôi có cho cháu N mượn 04 cây vàng 24k, có làm biên nhận người ghi biên nhận là cháu N, chỉ làm một bản tôi giữ. Nhưng đến năm 2011 cháu N có đến gặp vợ chồng tôi trả được 03 lượng 05 chỉ vàng 24k, khi trả vàng thì chỉ có tôi, ông D và cháu N, ngoài ra không có ai. Tôi là người trực tiếp nhận vàng. Sau đó đến năm 2017 thì cháu N tiếp tục trả cho tôi thêm 05 chỉ vàng 24k, lúc này ông D chết nên khi trả vàng chỉ có tôi với cháu N ngoài ra không còn ai. Do lúc này ông D chết nên tôi mới kêu cháu N ghi biên nhận có trả cho tôi 05 chỉ vàng 24k và người nhận vàng là tôi....”*. Lời khai của NLQ5 phù hợp với lời khai của ông N. Do đó, có căn cứ xác định ông N đã trả 04 lượng vàng 24k cho NLQ5. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, ông C là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H và ông C.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H, ông C cùng lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, ông C; Có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[11] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm ông H và ông C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468; 609, 612, 613, 614, 617, của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn N trả 04 lượng vàng 24k.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C cùng phải chịu 7.240.000 đồng. Ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.500.000 đồng theo biên lai thu số 0010666 ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu 3.500.000 đồng. Ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C còn phải tiếp tục nộp số tiền 3.740.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn H và ông Huỳnh Văn C mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn C mỗi người đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0012140, 0012139 cùng ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tx.GR;
- CCTHADS Tx.GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trương Thanh Dũng